

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/HSST

Ngày : 22/7/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q - TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Toàn.
2. Bà Trần Thị Bích Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Q tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2020/HSST ngày 16/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐXXST-HS ngày 10/7/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc S (Thường gọi: S Mập), sinh năm 2001 tại Thành phố Q, tỉnh B; Nơi cư trú: Tổ 21A, khu vực 5, phường H, Thành phố Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972; Con bà: Trần Thị H, sinh năm 1978; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 13/6/2019 bị Tòa án nhân dân Thành phố Q, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 12/12/2019; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam: Ngày 10/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố Q; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ông Chu Đình N, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 109/1 Nguyễn H, TP. Q, tỉnh B

- Người làm chứng:

1. Ông Trương Văn T, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 57/22 Hai Bà T, TP. Q, tỉnh B

2. Bà Huỳnh Thị Ánh T, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: 57/22 Hai Bà T, TP. Q, tỉnh B

3. Anh Võ Văn H, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 123/7B Nguyễn H, TP. Q, tỉnh B

4. Anh Văn Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 4, khu vực 4, phường L, TP. Q, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08^h00 ngày 09/4/2020, Nguyễn Ngọc S đi bộ đến ăn sáng tại trước nhà số 117 Nguyễn H, TP. Q thì thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 77L2-051.84 của ông Chu Đình N dựng trước nhà số 111 Nguyễn H, TP. Q, không người trông coi, chìa khóa cắm sẵn trong ổ khóa điện nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này để làm phương tiện đi lại. Lợi dụng lúc không có ai để ý, S dắt xe mô tô biển số 77L2-051.84 xuống đường, khởi động chạy đi. S điều khiển xe vừa trộm được đi đến dựng ở đầu hẻm 164 Xuân D, TP. Q rồi đi bộ vào nhà bà ngoại lấy túi xách đựng quần áo rồi quay ra lấy xe chạy về nhà nội ở huyện T xin tiền tiêu xài. Trên đường đi, S ghé vào hẻm đường T, TP. Q gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch) mua cỏ rồi đến công viên Hà T trên đường Lê Thanh N, TP. Q dựng xe mô tô 77L2-051.84 bên cạnh lấy cỏ hút rồi nằm ngủ tại đó.

Khoảng 10^h30 cùng ngày, ông Chu Đình N phát hiện mất xe nên dò hỏi thì được vợ chồng ông Trương Văn T, bà Huỳnh Thị Ánh T mô tả lại đặc điểm nhận dạng của người đã lấy trộm xe thì ông N biết S là người đã trộm xe của mình nên đến Công an phường T, TP. Q trình báo sự việc.

Sau đó, ông N nhờ Võ Văn H và Văn Huỳnh Ngọc S giúp đi tìm S lấy xe lại. Khoảng 17^h00 cùng ngày, H và S phát hiện S đang nằm cạnh xe mô tô 77L2-051.84 dựng trong Công viên Hà T nên tri hô thì S để xe lại, bỏ chạy. H và S mang xe đến nhà giao cho ông N. Qua làm việc, S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên của mình.

Ngày 16/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Q kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 77L2-051.84 trị giá 7.000.000đồng.

Cơ quan CSĐT - Công an TP. Q đã tạm giữ và xử lý vật chứng trả lại xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 77L2-051.84 cho chủ sở hữu là ông Chu Đình N.

Về dân sự: Bị hại ông Chu Đình N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số:71/CT-VKSQN ngày15/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân TP. Q truy tố Nguyễn Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Ngọc S có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 77L2-051.84 trị giá 7.000.000đồng của ông Chu Đình N và bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”. Bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về phần dân sự: Bị hại ông Chu Đình N không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Ngọc S thừa nhận hành vi phạm tội, không tự bào chữa.

Bị cáo Nguyễn Ngọc S không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 08h00 phút, ngày 09/4/2020, tại trước số nhà 111 Nguyễn H, TP. Q, bị cáo Nguyễn Ngọc S đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 77L2-051.84 của ông Chu Đình N có trị giá 7.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Ngọc S có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn nhất định, đủ năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình, đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và chưa được xóa án tích nên phải biết tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp

thời và xử lý nghiêm minh nhưng vì tham lam, xem thường pháp luật, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại khi để xe mô tô trước nhà, khóa xe vẫn cắm trên ổ khóa nên đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 77L2-051.84 của ông Chu Đình N có trị giá 7.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Nguyễn Ngọc S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, bị cáo đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự nhưng không biết ăn năn hối cải nên cần phải xử phạt nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] Tuy nhiên cũng nên xem xét: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên HĐXX xử phạt bị cáo với mức án có lý, có tình để bị cáo an tâm cải tạo, sớm tái hòa nhập với cộng đồng.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại ông Chu Đình N đã nhận lại xe mô tô biển số 77L2-051.84 bị cáo chiếm đoạt, ông N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc S bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc S 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/4/2020.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp.Q;
- Chi cục THADS Tp.Q;
- CQ CSĐT CA Tp.Q;
- Đội ĐTTH CA Tp.Q;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương